

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18-6-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Trần Văn Thiện

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 12/TB-TA ngày 14/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh B

2. *Bị đơn:* Chị Đoàn Ngọc L, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: 114/79/8/6a đường T, phường 15, quận G, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị L kết hôn tháng 12 năm 2011, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, anh chị vào sinh sống và làm ăn tại quận G, thành phố H. Đến năm 2015, vợ chồng chuyển về Q sinh sống và phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế. Sau khi chuyển về Q ở được 2 tháng thì chị L lại tiếp tục trở về quận G, thành phố H sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không về đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Ng, sinh ngày 23/9/2010, hiện cháu Ng đang ở với chị L. Vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng. Anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 2.000.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2021 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là chị Đoàn Ngọc L trình bày:

Tháng 12 năm 2011, chị và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh B. Do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên từ tháng 7 năm 2015 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H làm đơn xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Ng, sinh ngày 23/9/2010, hiện cháu Ng đang ở với chị. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và đồng ý để anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 2.000.000 đồng/ tháng. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Do hiện nay chị đang ở quận G, thành phố H không đến Tòa án nhân dân huyện T để làm việc được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như xét xử vụ án. Tại phiên tòa chị L vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Đoàn Ngọc L.

Về con chung giao cho chị L nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Ng, sinh ngày 23/9/2010. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: anh H và chị L có đơn yêu cầu lựa chọn Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của anh H nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa chị L vắng mặt nhưng chị L có đơn đề xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị L kết hôn tháng 12 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, làm ăn kinh tế. Chị L và con về sinh sống tại quận G, thành phố H, vợ chồng sống ly. Nay anh H xác định không còn tình cảm với chị L và yêu cầu ly hôn, chị L đồng ý ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị L đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều đề nghị được ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh H ly hôn chị L là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Ng, sinh ngày 23/9/2010, hiện cháu Ng đang với chị L. Vợ chồng ly hôn, chị L xin được nuôi dưỡng con chung, chị đồng ý anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 2.000.000 đồng/ tháng. Hiện nay chị L là nhân viên Spa thu nhập 8.000.000 đồng/ tháng, chị L xác định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Anh H đồng ý cho chị L nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai, cháu Ng có nguyện vọng được ở với chị L. Để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Ng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L, anh H thống nhất anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ tháng nên cần buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 2.000.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, 3 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh H, chị L không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82; Điều 83; khoản 1 Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Đoàn Ngọc L.

2. Về con chung: giao cho chị Đoàn Ngọc L nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Ng, sinh ngày 23/9/2010. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L với mức là 2.000.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị L nếu anh H không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000055 ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Nguyễn Văn H còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh